VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BTC ngày 09 tháng 5 năm 2018 hợp nhất Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ

(Tiếp theo Công báo số 619 + 620)

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Kèm theo Văn bản hợp nhất Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, các mẫu biểu của Thông tư số 156/2013/TT-BTC được sửa đổi - bổ sung được ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất)

Mẫu số: **03/GTGT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG[4]

(Dành cho người nộp thuế mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... năm..... hoặc quý..... năm....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Giá trị gia tăng âm được kết chuyển kỳ trước	[21]	
2	Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra	[22]	
3	Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23]	
4	Điều chỉnh tăng giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[24]	
5	Điều chỉnh giảm giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[25]	

[4] Mẫu tờ khai này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư số 119/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014.

6	Giá trị gia tăng (GTGT) chịu thuế trong kỳ: [26]=[22]-[23]-[21]-[24]+[25];	[26]	
7	Thuế GTGT phải nộp: [27]=[26] x thuế suất thuế GTGT	[27]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: **04/GTGT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Dành cho người nộp thuế tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên doanh thu)

[01] Kỳ tính thuế: □ Lần phát sinh
□ Tháng..... năm..... hoặc quý.... năm...

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |
[06] Địa chỉ:.....
[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....
[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....
[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |
[14] Địa chỉ:.....
[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....
[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....
[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nhóm ngành	Doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất 0% và không chịu thuế	Doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế	Tỷ lệ GTGT	Thuế giá trị gia tăng phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	[21]	[22]	1%	[23]=[22]x1%
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu		[24]	5%	[25]=[24]x5%
3	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu		[26]	3%	[27]=[26]x3%
4	Hoạt động kinh doanh khác		[28]	2%	[29]=[28]x2%
	Tổng		[30]=[22]+[24]+[26]+[28]		[31]=[23]+[25]+[27]+[29]

Tổng doanh thu [32]=[21]+[30]:.....

Tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp [33]=[31]:.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: **04-1/GTGT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 04/GTGT)

(được bãi bỏ)[5]

[5] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Mẫu số: **05/GTGT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Tạm nộp trên doanh số đối với kinh doanh ngoại tỉnh)

[01] Kỳ tính thuế: □ Lần phát sinh

□ Tháng..... năm.....

[02] Lần đầu: [ ] **[03]** Bổ sung lần thứ [ ]

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế 5%	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế 10%
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh số của hàng hóa dịch vụ chịu thuế	**[21]**	**[22]**
2	Tỷ lệ % tạm nộp tính trên doanh thu	**[23]** 1%	**[24]** 2%
3	Số thuế tạm tính phải nộp kỳ này **[25] = [21]** x 1%; **[26] = [22]** x 2%	**[25]**	**[26]**

Tổng số thuế phải nộp **[27] = [25] + [26]**:.....

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: **06/GTGT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Kính gửi:.... (*Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp*).....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp/Lĩnh vực hoạt động/Ngành nghề kinh doanh chính:

.....

Hiện nay, chúng tôi đang thực hiện tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp.....; do điều kiện của cơ sở kinh doanh chúng tôi..... và qua xem xét các điều kiện tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp....., cơ sở chúng tôi đăng ký với cơ quan thuế được áp dụng tính thuế theo phương pháp.....

Thời gian đề nghị được áp dụng kể từ năm.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện tính thuế, khai thuế và nộp thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các pháp luật thuế có liên quan.

Nếu vi phạm luật thuế và các chế độ quy định, chúng tôi xin chịu xử lý theo pháp luật./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 07/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Chuyển đổi kỳ khai thuế GTGT từ Quý sang Tháng[6]

Kính gửi:.... (*Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp*).....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp/Lĩnh vực hoạt động/Ngành nghề kinh doanh chính:

.....

Hiện nay, cơ sở chúng tôi đang thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo Quý, do điều kiện của cơ sở..... và qua xem xét các điều kiện khai giá trị gia tăng theo Quý, cơ sở chúng tôi đăng ký với cơ quan thuế được chuyển đổi kỳ khai thuế GTGT từ Quý sang Tháng.

Thời gian đề nghị được áp dụng kể từ kỳ khai thuế GTGT **tháng 01** năm.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện tính thuế, khai thuế và nộp thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các pháp luật thuế có liên quan.

Nếu vi phạm luật thuế và các chế độ quy định, chúng tôi xin chịu xử lý theo pháp luật./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

[6] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

Mẫu số: 01A/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH

(Dành cho người nộp thuế khai theo thu nhập thực tế phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế: Quý.... Năm.....

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ ☐

☐ Doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa

☐ Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

[04] Tên người nộp thuế

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ: .....

[07] Quận/huyện:..... [08] tỉnh/thành phố: .....

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[14] Địa chỉ: .....

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:. .....

[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý: số..... ngày .....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu phát sinh trong kỳ	[21]	
2	Chi phí phát sinh trong kỳ	[22]	
3	Lợi nhuận phát sinh trong kỳ ([23]=[21]-[22])	[23]	
4	Điều chỉnh tăng lợi nhuận theo pháp luật thuế	[24]	
5	Điều chỉnh giảm lợi nhuận theo pháp luật thuế	[25]	
6	Thu nhập chịu thuế ([26]=[23]+[24]-[25])	[26]	
7	Thu nhập miễn thuế	[27]	
8	Số lỗ chuyển kỳ này	[28]	
9	Thu nhập tính thuế ([29]=[26]-[27]-[28])	[29]	
9.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	[30]	
9.2	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 22%	[31]	

9.3	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất ưu đãi	[32]	
	+ Thuế suất ưu đãi (%)	[32a]	
9.4	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất khác	[33]	
	+ Thuế suất khác (%)	[33a]	
10	Thuế TNDN phát sinh [34] = ([30] x 20%) + ([31] x 22%) + ([32] x [32a]) + ([33] x [33a])	[34]	
11	Thuế TNDN dự kiến miễn, giảm	[35]	
11.1	Trong đó: + số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định (nếu có)	[35a]	
11.2	+ Miễn, giảm khác ngoài Luật Thuế TNDN (nếu có)	[35b]	
12	Thuế TNDN phải nộp trong kỳ ([36]=[34]-[35])	[36]	

[37] Đối tượng được gia hạn ☐

[37a] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo:.....

[37b] Thời hạn được gia hạn:.....

[37c] Số thuế TNDN được gia hạn:.....

[37d] Số thuế TNDN không được gia hạn:.....,.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

***Ghi chú**: - TNDN: Thu nhập doanh nghiệp*

Mẫu số: 01B/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH

(Dành cho người nộp thuế khai theo tỷ lệ thu nhập chịu thuế trên doanh thu)

[01] Kỳ tính thuế: Quý.... Năm.....
[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ ☐
☐ Doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa
☐ Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

[04] Tên người nộp thuế .....
[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |
[06] Địa chỉ: .....
[07] Quận/huyện:..... [08] tỉnh/thành phố: .....
[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): .....
[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |
[14] Địa chỉ: .....
[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:. .....
[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....
[20] Hợp đồng đại lý: số..... ngày.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT		Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1		Doanh thu phát sinh trong kỳ	[21]	
	a	Doanh thu theo thuế suất không ưu đãi:	[22]	
		Doanh thu theo thuế suất không ưu đãi: 20%	[22a]	
		Doanh thu theo thuế suất không ưu đãi: 22%	[22b]	
		Doanh thu theo thuế suất không ưu đãi khác	[22c]	
	b	Doanh thu của hoạt động được ưu đãi về thuế suất	[23]	
2		Tỷ lệ thu nhập chịu thuế trên doanh thu (%)	[24]	
3		Thuế suất	[25]	
	a	Thuế suất không ưu đãi: 20%	[25a]	
		Thuế suất không ưu đãi: 22%	[25b]	
		Thuế suất không ưu đãi khác (%):	[25c]	
	b	Thuế suất ưu đãi (%)	[26]	

4		Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phát sinh trong kỳ ([27]=[28]+[29])	[27]	
	a	Thuế TNDN của hoạt động không ưu đãi ([28]=[22a]x[24] x [25a]+[22b]x[24] x [25b]+[22c]x [24] x [25c])	[28]	
	b	Thuế TNDN của hoạt động được ưu đãi về thuế suất ([29]=[23]x[24]x[26])	[29]	
5		Thuế thu nhập doanh nghiệp dự kiến miễn, giảm	[30]	
	a	Trong đó: + số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	[30a]	
	b	+ Miễn, giảm khác ngoài Luật Thuế TNDN (nếu có)	[30b]	
6		Thuế TNDN phải nộp trong kỳ ([31]=[27]–[30])	[31]	

[32] Đối tượng được gia hạn ☐
[32a] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo:.....
[32b] Thời hạn được gia hạn:.....
[32c] Số thuế TNDN được gia hạn:.....
[32d] Số thuế TNDN không được gia hạn:.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: - *TNDN: thu nhập doanh nghiệp*

Mẫu số: 01-1/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
TÍNH NỘP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH QUÝ CỦA DOANH NGHIỆP CÓ CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC

(Kèm theo tờ khai tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp số.../TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Quý.... Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Tổng số thuế phải nộp trên tờ khai:..... đồng

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên doanh nghiệp, Cơ sở sản xuất	Mã số thuế	Cơ quan thuế trực tiếp quản lý	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phân bổ
[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]
Tổng cộng					[13]=[06]

Tôi cam đoan số liệu khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 02/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP[7]

(Dùng cho doanh nghiệp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế: □ Từng lần phát sinh: Ngày..... tháng..... năm.....
□ Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ: □

1. Bên chuyển nhượng:

[04] Tên người nộp thuế.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ trụ sở:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

2. Bên nhận chuyển nhượng:

[12] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:.....

[13] Mã số thuế (đối với doanh nghiệp) hoặc số chứng minh nhân dân (đối với cá nhân):

| | | | | | | | | | | | | | |

[14] Địa chỉ:.....

[15] Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số:.... ngày.... tháng.... năm có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày... tháng... năm.... (nếu có).

[16] Tên Đại lý thuế (nếu có):.....

[17] Mã số thuế:

[18] Địa chỉ:.....

[19] Quận/huyện:..... [20] Tỉnh/Thành phố:.....

[21] Điện thoại:..... [22] Fax:..... [23] Email:.....

[24] Hợp đồng đại lý: số..... ngày.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[25]	
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[26]	
2.1	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[27]	
2.2	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[28]	
2.3	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[29]	
2.4	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[30]	
2.5	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[31]	
2.6	- Chi phí khác	[32]	
3	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ([33]=[25]-[26])	[33]	
4	Thuế suất thuế TNDN (%)	[34]	
5	Thuế TNDN phải nộp ([35]=[33] x [34])	[35]	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: - *TNDN: thu nhập doanh nghiệp*

Chú thích 1:

[7] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

Mẫu số: 02-1/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁC BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN

(Kèm theo tờ khai quý đối với doanh nghiệp phát sinh thường xuyên hoạt động bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Quý.... năm....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

STT	Tên bên nhận chuyển nhượng	Mã số thuế/CMND (nếu không có mã số thuế)	Địa chỉ	Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản (số, ngày...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

(CMND: Chứng minh nhân dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP[8]

[01] Kỳ tính thuế:..... từ..... đến.....

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ☐

☐ Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

☐ Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

☐ Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:.....,

[05] Tỷ lệ (%):..... %

[06] Tên người nộp thuế:.....

[07] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | | |

[08] Địa chỉ:.....

[09] Quận/huyện:..... [10] Tỉnh/Thành phố: .....

[11] Điện thoại:..... [12] Fax:..... [13] Email:.....

[14] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[15] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | | |

[16] Địa chỉ:.....

[17] Quận/huyện:..... [18] Tỉnh/Thành phố: .....

[19] Điện thoại:..... [20] Fax:..... [21] Email:.....

[22] Hợp đồng đại lý thuế: số:..... ngày: .....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6 +B7)	B1	
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	

2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11)	B8	
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	
2.3	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B11	
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B12=A1+B1-B8)	B12	
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B13	
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (B14=B12-B13)	B14	
C	**Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**	**C**	
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	
2	Thu nhập miễn thuế	C2	
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	C3	
3.1	Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	
3.2	Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3a-C3b)	C4	
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8+C9)	C6	
6.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 22% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C7	
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 20% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C8	
6.3	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi	C9	
	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C9a	
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C10 = (C7 x 22%) + (C8 x 20%) + (C9 x C9a))	C10	
8	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	
9	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ	C12	
9.1	Trong đó: + Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	C13	
9.2	+ Số thuế TNDN được miễn, giảm không theo Luật Thuế TNDN	C14	
11	Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C15	
12	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (C16=C10-C11-C12-C15)	C16	
D	**Tổng số thuế TNDN phải nộp (D=D1+D2+D3)**	**D**	
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (D1=C16)	**D1**	
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	**D2**	
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	**D3**	
E	**Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm (E = E1+E2+E3)**	**E**	
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	

2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E2	
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E3	
G	**Tổng số thuế TNDN còn phải nộp (G = G1+G2+G3)**	**G**	
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (G1 = D1-E1)	G1	
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (G2 = D2-E2)	G2	
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) (G3 = D3-E3)	G3	
H	**20% số thuế TNDN phải nộp (H = D*20%)**	**H**	
I	**Chênh lệch giữa số thuế TNDN còn phải nộp với 20% số thuế TNDN phải nộp (I = G-H)**	**I**	

L. Gia hạn nộp thuế (nếu có)

[L1] Đối tượng được gia hạn ☐

[L2] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo:.....

L3] Thời hạn được gia hạn:.....

[L4] Số thuế TNDN được gia hạn:.....

[L5] Số thuế TNDN không được gia hạn:.....

M. Tiền chậm nộp của khoản chênh lệch từ 20% trở lên đến ngày hết hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN (trường hợp kê khai quyết toán và nộp thuế theo quyết toán trước thời hạn thì tính đến ngày nộp thuế)

[M1] Số ngày chậm nộp..... ngày, từ ngày..... đến ngày.....

[M2] Số tiền chậm nộp:.....

I. Ngoài các Phụ lục của tờ khai này, chúng tôi gửi kèm theo các tài liệu sau:

STT	Tên tài liệu
1	
2	
3	
4	

Tôi cam đoan là các số liệu, tài liệu kê khai này là đúng và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu, tài liệu đã kê khai./.

....., Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: - *TNDN: Thu nhập doanh nghiệp*

[8] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

Mẫu số: 03 - 1A/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế: từ..... đến.....

Tên người nộp thuế

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Tên đại lý thuế (nếu có): .....

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[01]**	
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	[02]	
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([03]=[04]+[05]+[06]+[07])**	**[03]**	
a	Chiết khấu thương mại	[04]	
b	Giảm giá hàng bán	[05]	
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[06]	
d	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp	[07]	
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[08]**	
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ ([09]=[10]+[11]+[12])**	**[09]**	
a	Giá vốn hàng bán	[10]	
b	Chi phí bán hàng	[11]	
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[12]	
5	**Chi phí tài chính**	**[13]**	
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay dùng cho sản xuất, kinh doanh	[14]	

6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([15]=[01]-[03]+[08]-[09]-[13])**	**[15]**	
7	**Thu nhập khác**	**[16]**	
8	**Chi phí khác**	**[17]**	
9	**Lợi nhuận khác ([18]=[16]-[17])**	**[18]**	
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([19]=[15]+[18])**	**[19]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

...., Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú: *- Số liệu tại chỉ tiêu [19] của Phụ lục này được ghi vào chỉ tiêu mã số A1 của Tờ khai quyết toán thuế TNDN của cùng kỳ tính thuế.*

Mẫu số: 03-1B/TNDN
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)*

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành ngân hàng, tín dụng
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế: từ..... đến.....

Tên người nộp thuế:.....
Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Tên đại lý thuế (nếu có): .....
Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	[01]	
2	Chi trả lãi và các chi phí tương tự	[02]	
3	**Thu nhập lãi thuần ([3] = [1] - [2])**	**[03]**	
4	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	[04]	
5	Chi phí hoạt động dịch vụ	[05]	
6	**Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ ([6] = [4] - [5])**	**[06]**	
7	**Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**[07]**	
8	**Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**[08]**	
9	**Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**[09]**	
10	Thu nhập từ hoạt động khác	[10]	
11	Chi phí hoạt động khác	[11]	
12	**Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác ([12] = [10] - [11])**	**[12]**	
13	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**[13]**	
14	**Chi phí hoạt động**	**[14]**	
15	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**[15]**	
16	**Tổng lợi nhuận trước thuế ([16] = [3]+[6]+[7]+[8]+[9]+[12]+[13]-[14]-[15])**	**[16]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: *Số liệu tại chỉ tiêu [16] của Phụ lục này được ghi vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng kỳ tính thuế.*

Mẫu số: 03-1C/TNDN
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)*

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Dành cho người nộp thuế là các Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế: từ..... đến.....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Thu từ phí cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh ([01] = [02]+[03]+[04]+[05]+[06]+[07]+[08]+[09]+[10])**	**[01]**	
a	Thu phí dịch vụ môi giới chứng khoán	**[02]**	
b	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	[03]	
c	Thu phí bảo lãnh và phí đại lý phát hành	[04]	
d	Thu phí tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	[05]	
e	Thu phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các khoản tiền thưởng cho công ty quản lý quỹ	[06]	
f	Thu từ phí phát hành chứng chỉ quỹ	[07]	
g	Phí thù lao hội đồng quản trị nhận được do tham gia hội đồng quản trị của các công ty khác	[08]	
h	Chênh lệch giá chứng khoán mua bán trong kỳ, thu lãi trái phiếu từ hoạt động tự doanh của công ty chứng khoán, hoạt động đầu tư tài chính của công ty quản lý quỹ	[09]	
i	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	[10]	
2	**Chi phí để thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng và các chi phí cho hoạt động tự doanh ([11]= [12]+[13]+.....+[22]+[23])**	**[11]**	
a	Chi nộp phí thành viên trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với công ty là thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán)	[12]	
b	Chi phí lưu ký chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán	[13]	

c	Phí niêm yết và đăng ký chứng khoán (đối với công ty phát hành chứng khoán niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán)	[14]	
d	Chi phí liên quan đến việc quản lý quỹ đầu tư, danh mục đầu tư	[15]	
e	Chi phí huy động vốn cho quỹ đầu tư	[16]	
f	Chi trả lãi tiền vay	[17]	
g	Chi phí thù lao cho hội đồng quản trị	[18]	
h	Chi nộp thuế, phí, lệ phí phải nộp có liên quan đến hoạt động kinh doanh	[19]	
i	Chi hoạt động quản lý và công vụ, chi phí cho nhân viên	[20]	
k	Chi khấu hao tài sản cố định, chi khác về tài sản	[21]	
l	Trích dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh	[22]	
m	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	[23]	
3	**Lãi (lỗ) từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh ([24]= [01]-[11])**	**[24]**	
4	**Các khoản thu nhập khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh**	**[25]**	
5	**Chi phí khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh**	**[26]**	
6	**Lãi (lỗ) khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh ([27]=[25]-[26])**	**[27]**	
7	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([28]=[24]+[27])**	**[28]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: *Số liệu tại chỉ tiêu **[28]** của Phụ lục này được ghi vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai quyết toán thuế TNDN của cùng kỳ tính thuế.*

Mẫu số: 03-2/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
CHUYỂN LỖ

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế: từ..... đến.....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Xác định số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Sỗ lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	**...**				
2	**...**				
.....	.....				
	...				
Tổng cộng:					

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 03-3A/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Đối với cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm, dự án đầu tư mới và dự án đầu tư đặc biệt quan trọng

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế: từ..... đến.....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

1. Điều kiện ưu đãi:

❑ *Doanh nghiệp sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư.*

❑ *Doanh nghiệp di chuyển địa điểm ra khỏi đô thị theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.*

❑ *Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án đầu tư mới vào ngành nghề, lĩnh vực ưu đãi đầu tư.*

❑ *Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án đầu tư mới vào ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.*

❑ *Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án đầu tư mới vào địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.*

❑ *Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án đầu tư mới vào địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao.*

❑ *Doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hóa hoặc có thu nhập từ hoạt động xã hội hóa.*

❑ *Dự án đầu tư đặc biệt quan trọng.*

❑ *Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; Quỹ tín dụng nhân dân; Tổ chức tài chính vi mô; Cơ quan xuất bản.*

❑ *Ưu đãi theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.*

❑ Ưu đãi khác

2. Mức độ ưu đãi thuế:

2.1- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi:.....%

2.2- Thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi..... năm, kể từ năm.....

2.3- Thời gian miễn thuế..... năm, kể từ năm.....

2.4- Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp:..... năm, kể từ năm.....

B. Xác định số thuế được ưu đãi:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
3	**Xác định số thuế TNDN chênh lệch do doanh nghiệp hưởng thuế suất ưu đãi**		
3.1	Tổng thu nhập tính thuế được hưởng thuế suất ưu đãi	[1]	
3.2	Thuế TNDN tính theo thuế suất ưu đãi	[2]	
3.3	Thuế TNDN tính theo thuế suất không phải thuế suất ưu đãi	[3]	
3.4	**Thuế TNDN chênh lệch ([4]=[3]-[2])**	[4]	
4	**Xác định số thuế được miễn, giảm trong kỳ tính thuế**		
4.1	Tổng thu nhập tính thuế được miễn thuế hoặc giảm thuế	[5]	
4.2	Thuế suất thuế TNDN ưu đãi áp dụng (%)	[6]	
4.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	[7]	
4.4	Tỷ lệ thuế TNDN được miễn hoặc giảm (%)	[8]	
4.5	**Thuế TNDN được miễn, giảm**	[9]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

...., ngày..... tháng..... năm....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Họ và tên: *(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú: *- TNDN: thu nhập doanh nghiệp.*

Mẫu số: 03-3B/TNDN
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)*

PHỤ LỤC
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Đối với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất (dự án đầu tư mở rộng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế: từ..... **đến**.....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

1. Điều kiện ưu đãi:

- Ngành nghề, địa bàn đầu tư:

❑ *Đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất mới không thuộc ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn khuyến khích đầu tư.*

❑ *Đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.*

❑ *Đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.*

❑ *Đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.*

❑ *Đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.*

- Dự án đầu tư:

❑ Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới

❑ Đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất

Trong đó, dự án đầu tư bao gồm các hạng mục đầu tư:

- Hạng mục đầu tư:.....
- Hạng mục đầu tư:.....
- Hạng mục đầu tư:.....
- Thời gian đăng ký bắt đầu thực hiện miễn, giảm thuế:.....

2. Mức độ ưu đãi thuế:

2.1- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) ưu đãi:.....%

2.2- Thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi:..... năm, kể từ năm.....

2.3- Thời gian miễn thuế:..... năm, kể từ năm.....

2.4- Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp:..... năm, kể từ năm.....

B. Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được ưu đãi:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)
3	**Xác định thu nhập tính thuế tăng thêm được hưởng ưu đãi**		
3.1	*Tổng nguyên giá TSCĐ dùng cho sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế*	[01]	
3.2	*Tổng giá trị TSCĐ đầu tư mới đã đưa vào sản xuất kinh doanh*	[02]	
3.3	*Tổng thu nhập tính thuế trong năm*	[03]	
3.4	*Thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại được miễn hoặc giảm (đề nghị cho công thức tính)*	[04]	
4	**Xác định số thuế TNDN chênh lệch do doanh nghiệp hưởng thuế suất ưu đãi**		
4.1	Thuế TNDN tính theo thuế suất không phải thuế suất ưu đãi	[05]	
4.2	Thuế TNDN tính theo thuế suất ưu đãi	[06]	
4.2	**Thuế TNDN chênh lệch** [07] = [05] – [06]	[07]	
5	**Xác định số thuế được miễn, giảm trong kỳ tính thuế**		
5.1	*Thuế suất thuế TNDN đang áp dụng (%)*	[08]	
5.2	*Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*	[09]	
5.3	*Tỷ lệ thuế TNDN được miễn hoặc giảm (%)*	[10]	
5.4	***Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm***	[11]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: *- TNDN: thu nhập doanh nghiệp.*

- TSCĐ: tài sản cố định

Mẫu số: 03-3C/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI
Đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế: từ..... đến.....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:													

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế:													

A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

1. Điều kiện ưu đãi:

❑ Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ:

- Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế:..... người

- Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động nữ mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số..... ngày.....

❑ Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số:

- Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế:..... người

- Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động là người dân tộc thiểu số mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số..... ngày.....

2. Mức độ ưu đãi thuế:

❑ Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tương ứng mức chi cho lao động nữ.

❑ Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động là người dân tộc thiểu số.

B. Xác định số thuế được giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
3	**Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được giảm trong kỳ tính thuế:**		
3.1	Tổng các khoản chi cho lao động nữ	[01]	

3.2	Tổng các khoản chi cho lao động là người dân tộc thiểu số	[02]	
3.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	[03]	
3.4	**Thuế TNDN được giảm tương ứng mức chi cho lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số**: *(Không quá số thuế TNDN phải nộp)*	[04]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: - *TNDN: thu nhập doanh nghiệp.*

Mẫu số: 03-4/TNDN
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)*

PHỤ LỤC
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐÃ NỘP Ở NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC TRỪ TRONG KỲ TÍNH THUẾ

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế: từ..... đến.....

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Tên đại lý thuế (nếu có): .....

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên và địa chỉ của Người nộp thuế khấu trừ thuế ở nước ngoài	Thu nhập nhận được ở nước ngoài		Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài cho phần thu nhập nhận được		Thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN		Xác định thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ		
		Ngoại tệ	Đồng Việt Nam	Ngoại tệ	Đồng Việt Nam	Ngoại tệ	Đồng Việt Nam	Thuế suất thuế TNDN (%)	Số thuế phải nộp theo Luật thuế TNDN	Số thuế đã nộp ở nước ngoài được khấu trừ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)+(5)	(8)= (4)+(6)	(9)	(10)= (8)x(9)	(11)
1										
...	....									
	Tổng cộng									

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: *- TNDN: thu nhập doanh nghiệp*
- Cột ngoại tệ: ghi rõ loại ngoại tệ

Mẫu số: 03-5/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính)

Phụ lục
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN[9]
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế: từ..... đến.....

Tên người nộp thuế:.....
Mã số thuế:

Tên đại lý thuế (nếu có):.....
Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	**Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản**	[01]	
2	**Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản**	[02]	
2.1	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[03]	
2.2	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[04]	
2.3	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[05]	
2.4	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[06]	
2.5	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[07]	
2.6	- Chi phí khác	[08]	
3	**Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản** ([09]=[01]-[02])	[09]	
4	**Số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản từ những năm trước được chuyển sang**	[10]	
5	**Thu nhập tính thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản** ([11]=[09]-[10])	[11]	
5a	**Số lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD**	[11a]	
6	**Trích lập Quỹ khoa học công nghệ (nếu có)**	[12]	
7	**Thu nhập tính thuế TNDN sau khi trừ trích lập Quỹ KHCN** ([13]=[11]-[12])	[13]	
8	**Thuế suất thuế TNDN (%)**	[14]	
9	**Thuế TNDN phải nộp của bất động sản trong năm** ([15]=[13] x [14])	[15]	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: *- TNDN: thu nhập doanh nghiệp*

[9] Phụ lục này được ban hành kèm theo khoản 2 Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

Mẫu số: 03-6/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BÁO CÁO TRÍCH, SỬ DỤNG QUỸ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN số 03/TNDN)
(được bãi bỏ)[10]

[10] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 18 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC hướng dẫn nội dung chi và quản lý phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016 và áp dụng cho việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016.

Mẫu số: 03-7/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH LIÊN KẾT[11]

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế: từ..... đến.....

[11] Mẫu này được bãi bỏ và thay thế bởi các mẫu theo quy định tại khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 41/2017/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2017.

Mẫu số: 03-8/TNDN
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)*

PHỤ LỤC
TÍNH NỘP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP CÓ CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế: Từ..... đến.....

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[03] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[04] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[05] Tổng số thuế phải nộp trên tờ khai quyết toán:..... đồng

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên doanh nghiệp/cơ sở sản xuất	Mã số thuế	Cơ quan thuế trực tiếp quản lý	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế đã tạm phân bổ từng quý				Tổng số thuế đã tạm phân bổ cả năm	Phân bổ tổng số thuế phải nộp cả năm theo quyết toán	Phân bổ số thuế chênh lệch sau quyết toán
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]=[11]+[12]+[13]+[14]	[16]	[17]=[16]-[15]

Tôi cam đoan số liệu khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 04/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP[12]

(Dùng cho trường hợp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu)

[01] Kỳ tính thuế:

☐ Từng lần phát sinh: Ngày.....tháng.....năm.....

☐ Năm.....

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:.....[11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | | |

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:.....[16] Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại:.....[18] Fax:.....[19] Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: số..... ngày.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu									Tổng số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp
	Đối với dịch vụ			Đối với kinh doanh hàng hóa			Đối với hoạt động khác			
	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ (%)	Số thuế phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ (%)	Số thuế phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ (%)	Số thuế phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(4)+(7)+(10)
Tổng cộng										

Tôi cam đoan số liệu khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

	....., ngày..... tháng..... năm.....
NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

[12] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

Mẫu số: 05/TNDN
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

(của tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp)

[01] Kỳ tính thuế: □ Từng lần phát sinh: Ngày..... tháng..... năm.....
[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ ☐

Bên chuyển nhượng vốn:
[04] Tên tổ chức có vốn chuyển nhượng:.....
[05] Địa chỉ trụ sở chính:.....

Bên nhận chuyển nhượng vốn:
[06] Tên tổ chức hoặc cá nhân nhận vốn chuyển nhượng:.....
[07] Quốc tịch:.....
[08] Địa chỉ trụ sở chính:.....
[09] **Mã số thuế** (đối với doanh nghiệp) hoặc số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu (đối với cá nhân):

[10] **Tên đại lý thuế (nếu có):**.....

[11] **Mã số thuế:**

[12] Địa chỉ:.....
[13] Quận/huyện:..... [14] Tỉnh/Thành phố:. .....
[15] Điện thoại:.....[16] Fax:..... [17] Email:.....
[18] Hợp đồng đại lý: số..... ngày.....

[19] **Tên doanh nghiệp có vốn được chuyển nhượng:**.....

[20] **Mã số thuế:**

[21] Hợp đồng chuyển nhượng: số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Giá chuyển nhượng	[22]	
2	Giá mua của phần vốn chuyển nhượng	[23]	
3	Chi phí chuyển nhượng	[24]	

4	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn [25]=[22]-[23]-[24]	[25]	
5	Thuế suất (%)	[26]	
6	Số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp [27]=[25]x[26]	[27]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 06/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP[13]

(Dùng cho doanh nghiệp kê khai thuế TNDN từ hoạt động bán toàn bộ Công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: □ Từng lần phát sinh: Ngày..... tháng..... năm.....

[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ: □

1. Bên chuyển nhượng:

[04] Tên người nộp thuế.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ trụ sở:.....

[07] Quận/huyện:.....[08] Tỉnh/Thành phố:.....

[09] Điện thoại:.....[10] Fax:.....[11] Email:.....

2. Bên nhận chuyển nhượng:

[12] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:.....

[13] Mã số thuế (đối với doanh nghiệp) hoặc số chứng minh nhân dân (đối với cá nhân):

| | | | | | | | | | | | | |

[14] Địa chỉ:.....

[15] Hợp đồng chuyển nhượng: Số:..... ngày..... tháng..... năm có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày... tháng... năm.... (nếu có).

[16] Tên Đại lý thuế (nếu có):.....

[17] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[18] Địa chỉ:.....

[19] Quận/huyện:.....[20] Tỉnh/Thành phố:.....

[21] Điện thoại:..... [22] Fax:.....[23] Email:.....

[24] Hợp đồng đại lý: số..... ngày.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu của hoạt động bán toàn bộ Công ty có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[25]	
2	Chi phí của hoạt động bán toàn bộ Công ty có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[26]	
	Trong đó:		
2.1	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[27]	
2.2	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[28]	
2.3	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[29]	
2.4	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[30]	
2.5	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[31]	
2.6	- Chi phí khác (bao gồm cả giá mua của phần vốn chuyển nhượng)	[32]	
3	Thu nhập từ hoạt động bán toàn bộ Công ty có gắn với chuyển nhượng bất động sản ([33]=[25]-[26])	[33]	
4	Số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển kỳ này	[34]	
5	Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) từ hoạt động bán toàn bộ Công ty có gắn với chuyển nhượng bất động sản ([35]=[33]-[34])	[35]	
6	Thuế suất thuế TNDN (%)	[36]	
7	Thuế TNDN phải nộp ([37]=[35] x [36])	[37]	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

[13] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **01/TTĐB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày… tháng… năm…. Hoặc Tháng..... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:..... | | | | | | | | | | | ..... | | | | .....

[06] Địa chỉ: .....

[07] Quận/huyện: ..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại..... **[10]** Fax:..... **[11]** E-mail: .....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:..... | | | | | | | | | | | ..... | | | | .....

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại..... **[18]** Fax:..... **[19]** E-mail:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Sản lượng tiêu thụ	Doanh số bán (chưa có thuế GTGT)	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thuế TTĐB được khấu trừ	Thuế TTĐB phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (6) x (7) - (8)
I	**Hàng hóa chịu thuế TTĐB**							
1	+ Tên hàng hóa							
2	+ …							
II	**Dịch vụ chịu thuế TTĐB**							
	+ Tên dịch vụ							
	+ …							
III	**Hàng hoá thuộc trường hợp không phải chịu thuế TTĐB**							
1	Hàng hóa xuất khẩu							
2	Hàng hóa bán để xuất khẩu							
3	Hàng hóa gia công để xuất khẩu							
	Tổng cộng:							

(TTĐB: tiêu thụ đặc biệt; GTGT: giá trị gia tăng)

Tôi cam đoan số liệu khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày…… tháng…… năm .....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: **01-1/TTĐB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ HÓA ĐƠN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA CHỊU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

(Kèm theo Tờ khai Thuế tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB)

(được bãi bỏ)[14]

[14] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Mẫu số: **01-2/TTĐB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN HÀNG HÓA MUA VÀO CHỊU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

(Kèm theo Tờ khai Thuế tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB)

(được bãi bỏ)[15]

[15] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **01/TAIN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN

[01] Kỳ tính thuế: □ tháng..... năm.....
□ Lần phát sinh, ngày.... tháng.... năm.....
[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ □

[04] Tên người nộp thuế: .....
[05] Mã số thuế: .....
[06] Địa chỉ:.....[07] Quận/huyện:.....[08] Tỉnh/Thành phố: .....
[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] E-mail: .....
[12] Đại lý thuế (nếu có): .....
[13] Mã số thuế: .....
[14] Địa chỉ: .....
[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố: .....
[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....
[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ	Thuế tài nguyên dự kiến được miễn giảm trong kỳ	Thuế tài nguyên phát sinh phải nộp trong kỳ
		Đơn vị tính	Sản lượng						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (4) x (5) x (6) hoặc (8) = (4) x (7)	(9)	(10) = (8) - (9)
I	**Tài nguyên khai thác:**								
1	Tài nguyên A								
2	Tài nguyên B								
...	.....								

II	**Tài nguyên thu mua gom:**								
1	Tài nguyên A								
2	Tài nguyên B								
	.....								
III	**Tài nguyên tịch thu, giao bán:**								
1	Tài nguyên A								
2	Tài nguyên B								
	.....								
	Tổng cộng:	**x**	**x**	**x**	**x**	**x**			

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: *Riêng đối với tài nguyên khai thác được ấn định số thuế tài nguyên phải nộp trên 1 đơn vị sản lượng tài nguyên thì thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ tính thuế tại chỉ tiêu (8)= (4) x (7)*

Mẫu số: **02/TAIN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN

[01] Kỳ tính thuế: Năm...
[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ □

[04] Tên người nộp thuế: .....
[05] Mã số thuế: .....
[06] Địa chỉ:.....[07] Quận/huyện:.....[08] Tỉnh/Thành phố:.....
[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] E-mail: .....
[12] Đại lý thuế (nếu có): .....
[13] Mã số thuế: .....
[14] Địa chỉ: .....
[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố: .....
[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....
[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày .....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ	Thuế tài nguyên dự kiến được miễn giảm trong kỳ	Thuế tài nguyên phát sinh phải nộp trong kỳ	Thuế tài nguyên đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán với kê khai
		Đơn vị tính	Sản lượng								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (4) x (5) x (6) hoặc (8) = (4) x (7)	(9)	(10) = (8) - (9)	(11)	(12) = (10) - (11)
I	**Tài nguyên khai thác:**										
1	Tài nguyên A										
2	Tài nguyên B										
...	.....										
II	**Tài nguyên thu mua gom:**										
1	Tài nguyên A										
2	Tài nguyên B										
...	.....										
III	**Tổng cộng:**										

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: *Riêng đối với tài nguyên khai thác được ấn định số thuế tài nguyên phải nộp trên 1 đơn vị sản lượng tài nguyên thì thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ tính thuế tại chỉ tiêu (8)= (4) x (7)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **01/TBVMT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính

TỜ KHAI THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

[01] Kỳ tính thuế: □ Lần phát sinh: Ngày.... tháng.... năm....
□ Tháng..... năm.....
[02] Lần đầu:.... [03] Bổ sung lần thứ:.....

[04] Người nộp thuế: .....
[05] Mã số thuế: .....
[06] Địa chỉ: .....
[07] Quận/huyện:.....[08] Tỉnh/Thành phố: .....
[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] E-mail: .....
[12] Đại lý thuế (nếu có): .....
[13] Mã số thuế: .....
[14] Địa chỉ: .....
[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố: .....
[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....
[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hóa	Số lượng tính thuế		Mức thuế	Thuế bảo vệ môi trường phải nộp trong kỳ
		Đơn vị tính	Số lượng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
	Hàng hóa A				
	Hàng hóa B				
	Tổng cộng				

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Số chứng chỉ hành nghề:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **01-1/TBVMT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHẢI NỘP CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Tờ khai thuế BVMT mẫu số 01/TBVMT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Hàng hóa	Tên doanh nghiệp/cơ sở khai thác	MST doanh nghiệp/cơ sở khai thác	Cơ quan thuế trực tiếp quản lý	Số than tiêu thụ nội địa trong kỳ (tấn)	Tổng số than tiêu thụ trong kỳ(tấn)	Tỷ lệ phân bổ (%)	Sản lượng than mua của địa phương nơi có than khai thác trong kỳ	Mức thuế bảo vệ môi trường (đồng/tấn)	Số thuế phát sinh phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)/(7)	(9)	(10)	(11)=(8)*(9)*(10)

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **05/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN[16]

(Áp dụng cho tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... năm..... hoặc Quý..... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:.....**[10]** Fax:.....**[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	**Tổng số người lao động:**	**[21]**	Người	
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	**[22]**	Người	
2	**Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [23]=[24]+[25]**	**[23]**	Người	
2.1	Cá nhân cư trú	**[24]**	Người	
2.2	Cá nhân không cư trú	**[25]**	Người	

[16] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

3	**Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trả cho cá nhân [26]=[27]+[28]**	**[26]**	VNĐ	
3.1	Cá nhân cư trú	**[27]**	VNĐ	
3.2	Cá nhân không cư trú	**[28]**	VNĐ	
4	**Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [29]=[30]+[31]**	**[29]**	VNĐ	
4.1	Cá nhân cư trú	**[30]**	VNĐ	
4.2	Cá nhân không cư trú	**[31]**	VNĐ	
5	**Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [32]=[33]+[34]**	**[32]**	VNĐ	
5.1	Cá nhân cư trú	**[33]**	VNĐ	
5.2	Cá nhân không cư trú	**[34]**	VNĐ	
6	Tổng TNCT từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	**[35]**	VNĐ	
7	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	**[36]**	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

…., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **06/TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN[17]

(Áp dụng cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)

[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm hoặc quý..... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:.....**[10]** Fax:.....**[11]** Email:.....

[12] Tên tổ chức khai thay (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[21] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[22] Địa chỉ:.....

[23] Quận/huyện:..... **[24]** Tỉnh/thành phố:.....

[25] Điện thoại:..... **[26]** Fax:..... **[27]** Email:.....

[28] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

---

[17] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh	Số lũy kế
I	**Thu nhập từ đầu tư vốn**			
1	Tổng thu nhập tính thuế	**[29]**		
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	**[30]**		
II	**Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**			
1	Tổng giá trị chuyển nhượng chứng khoán	**[31]**		
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[32]**		
III	**Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại**			
1	Tổng thu nhập tính thuế	**[33]**		
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[34]**		
IV	**Thu nhập từ trúng thưởng**			
1	Tổng thu nhập tính thuế	**[35]**		
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[36]**		
V	**Doanh thu từ kinh doanh của cá nhân không cư trú**			
1	Tổng doanh thu tính thuế trả cho cá nhân	**[37]**		
2	Tổng số thuế đã khấu trừ	**[38]**		
VI	**Thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú**			
1	Tổng giá chuyển nhượng vốn	**[39]**		
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[40]**		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **02/UQ-QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN[18]

Năm.....

Tên tôi là:..... Quốc tịch:.....
Mã số thuế:.....

☐ Năm..... tôi chỉ có thu nhập chịu thuế tại một nơi là Công ty/đơn vị .....;

☐ Năm..... tôi có thu nhập chịu thuế tại Công ty/đơn vị .....
và có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng/tháng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ tại nguồn.

Đề nghị Công ty/đơn vị..... (Mã số thuế:.....) thay mặt tôi thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm..... với cơ quan thuế.

Trường hợp cơ quan thuế kiểm tra phát hiện tôi có thu nhập chịu thuế ở nơi khác thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

[18] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Mẫu số: **05/QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN[19]

(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

I. NGHĨA VỤ KHẤU TRỪ THUẾ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VNĐ)

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	**Tổng số người lao động:**	**[21]**	Người	
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	**[22]**	Người	
2	**Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [23]=[24]+[25]**	**[23]**	Người	
2.1	Cá nhân cư trú	**[24]**	Người	
2.2	Cá nhân không cư trú	**[25]**	Người	

[19] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

3	Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	**[26]**	Người	
4	**Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh**	**[27]**	Người	
5	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trả cho cá nhân [28]=[29]+[30]	**[28]**	VNĐ	
5.1	Cá nhân cư trú	**[29]**	VNĐ	
5.2	Cá nhân không cư trú	**[30]**	VNĐ	
6	**Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [31]=[32]+[33]**	**[31]**	VNĐ	
6.1	Cá nhân cư trú	**[32]**	VNĐ	
6.2	Cá nhân không cư trú	**[33]**	VNĐ	
7	**Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ [34]=[35]+[36]**	**[34]**	VNĐ	
7.1	Cá nhân cư trú	**[35]**	VNĐ	
7.2	Cá nhân không cư trú	**[36]**	VNĐ	
8	**Tổng số thuế được giảm do làm việc tại khu kinh tế [37]=[38]+[39]**	**[37]**	VNĐ	
8.1	Cá nhân cư trú	**[38]**	VNĐ	
8.2	Cá nhân không cư trú	**[39]**	VNĐ	
9	Tổng TNCT từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	**[40]**	VNĐ	
10	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	**[41]**	VNĐ	

II. NGHĨA VỤ QUYẾT TOÁN THAY CHO CÁ NHÂN

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay	**[42]**	Người	
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[43]**	VNĐ	
3	Tổng số thuế TNCN phải nộp	**[44]**	VNĐ	
4	Tổng số thuế TNCN còn phải nộp NSNN	**[45]**	VNĐ	
5	Tổng số thuế TNCN đã nộp thừa	**[46]**	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **05-1/BK-QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO BIỂU LŨY TIẾN TỪNG PHẦN[20]

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Cá nhân ủy quyền quyết toán thay	Thu nhập chịu thuế			Các khoản giảm trừ					Thu nhập tính thuế	Số thuế TNCN đã khấu trừ	Số thuế TNCN được giảm do làm việc trong KKT	Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế		
					Tổng số	Trong đó: TNCT được giảm thuế		Số lượng NPT tính giảm trừ	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm được trừ	Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ				Tổng số thuế phải nộp	Số thuế đã nộp thừa	Số thuế còn phải nộp
						Làm việc trong KKT	Theo Hiệp định											
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]
1																		

[20] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2																		
...																		
Tổng					**[25]**	**[26]**	**[27]**	**[28]**	**[29]**	**[30]**	**[31]**	**[32]**	**[33]**	**[34]**	**[35]**	**[36]**	**[37]**	**[38]**

(KKT: Khu kinh tế; TNCN: thu nhập cá nhân; NPT: người phụ thuộc)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **05-2/BK-QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO THUẾ SUẤT TOÀN PHẦN[21]

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Cá nhân không cư trú	Thu nhập chịu thuế (TNCT)				Số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ		Số thuế TNCN được giảm do làm việc tại KKT
					Tổng số	Trong đó: TNCT từ phí mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	Trong đó: TNCT được giảm thuế		Tổng số	Trong đó: Số thuế từ phí mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	
							Làm việc tại KKT	Theo Hiệp định			
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
1											
2											
...											
Tổng					[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]

(KKT: Khu kinh tế; BH: Bảo hiểm; DN: doanh nghiệp)

[21] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **05-3/BK-QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG KÊ THÔNG TIN NGƯỜI PHỤ THUỘC GIẢM TRỪ GIA CẢNH[22]
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

STT	Họ và tên người nộp thuế	MST của người nộp thuế	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh người phụ thuộc	MST của người phụ thuộc	Quốc tịch người phụ thuộc	CMND/ Hộ chiếu của người phụ thuộc	Quan hệ với người nộp thuế	Thông tin trên giấy khai sinh của người phụ thuộc (Nếu người phụ thuộc không có MST, CMND và Hộ chiếu)						Thời gian tính giảm trừ	
									Số	Quyển số	Nơi đăng ký					
											Quốc gia	Tỉnh/ Thành phố	Quận/ Huyện	Phường/ Xã	Từ tháng	Đến tháng
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]
1																
2																
3																
...																
...																

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân)

[22] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **06/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; Tổ chức nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:.....**[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | | |

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VNĐ)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Số tiền
I	**Thu nhập từ đầu tư vốn:**			
1	Tổng thu nhập tính thuế	**[21]**	VNĐ	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	**[22]**	VNĐ	
II	**Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**			
1	Tổng giá trị chứng khoán chuyển nhượng	**[23]**	VNĐ	
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[24]**	VNĐ	
III	**Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại:**			
1	Tổng thu nhập tính thuế	**[25]**	VNĐ	
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[26]**	VNĐ	

IV	**Thu nhập từ trúng thưởng:**			
1	Tổng thu nhập tính thuế	**[27]**	VNĐ	
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[28]**	VNĐ	
V	**Thu nhập từ kinh doanh trả cho cá nhân không cư trú:**			
1	Tổng số cá nhân nhận thu nhập chịu thuế	**[29]**	Người	
2	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	**[30]**	VNĐ	
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[31]**	VNĐ	
VI	**Thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú**			
1	Tổng giá chuyển nhượng vốn	**[32]**	VNĐ	
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[33]**	VNĐ	

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **06-1/BK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN ĐÃ KHẤU TRỪ ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 06/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế: .....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT [06]	Họ và tên [07]	Mã số thuế [08]	Số CMND/ Hộ chiếu [09]	Tổng giá trị chuyển nhượng trong kỳ [10]	Thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [11]
1					
2					
3					
...					
Tổng cộng				**[12]**	**[13]**

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **02/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN[23]

(Áp dụng cho cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Quý... (Từ tháng.... đến tháng....) Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[06] Địa chỉ: .....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:.....**[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[14] Địa chỉ: .....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	**Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:**		
1	Cá nhân có thu nhập ổn định theo quý không phải nộp tờ khai các quý tiếp theo	**[21]**	☐

[23] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ		**[22]**	
3	Trong đó thu nhập chịu thuế được miễn giảm theo Hiệp định		**[23]**	
4	Tổng các khoản giảm trừ		**[24]**	
	a	Cho bản thân	**[25]**	
	b	Cho người phụ thuộc	**[26]**	
	c	Cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học	**[27]**	
	d	Các khoản đóng bảo hiểm được trừ	**[28]**	
	e	Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ	**[29]**	
5	Tổng thu nhập tính thuế		**[30]**	
6	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phát sinh trong kỳ		**[31]**	
7	Tổng thu nhập chịu thuế làm căn cứ tính giảm thuế		**[32]**	
8	Tổng số thuế thu nhập cá nhân được giảm		**[33]**	
9	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp		**[34]**	
II	**Cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:**			
1	Tổng thu nhập tính thuế		**[35]**	
2	Mức thuế suất		**[36]**	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp		**[37]**	

(Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, đề nghị nộp Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **08/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TẠM NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai)

[01] Kỳ tính thuế: Quý..... Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | | |

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu		Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu phát sinh		**[21]**	
2	Tổng chi phí phát sinh		**[22]**	
3	Tổng thu nhập chịu thuế		**[23]**	
4	Các khoản giảm trừ		**[24]**	
	a	Cho bản thân	**[25]**	
	b	Cho người phụ thuộc	**[26]**	
	c	Cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học	**[27]**	
	d	Các khoản đóng bảo hiểm được trừ	**[28]**	
	e	Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ	**[29]**	

5	Thu nhập tính thuế	**[30]**	
6	Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) tạm tính	**[31]**	
7	Thu nhập chịu thuế làm căn cứ tính giảm thuế	**[32]**	
8	Thuế TNCN được giảm	**[33]**	
9	Thuế TNCN tạm nộp	**[34]**	

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **08A/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI TẠM NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai)

[01] Kỳ tính thuế: Quý..... Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:.....**[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

I. KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG KỲ CỦA NHÓM KINH DOANH:

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu phát sinh	**[21]**	
2	Tổng chi phí phát sinh	**[22]**	
3	Tổng thu nhập chịu thuế	**[23]**	
4	Tổng thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế	**[24]**	

II. THU NHẬP VÀ SỐ THUẾ TẠM NỘP CỦA CÁ NHÂN TRONG NHÓM:

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ chia TNCT	Thu nhập chịu thuế		Các khoản giảm trừ	Thu nhập tính thuế	Thuế TNCN tạm tính	Thuế TNCN được giảm	Thuế TNCN tạm nộp
				Tổng số	Trong đó: thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế					
[25]	**[26]**	**[27]**	**[28]**	**[29]**	**[30]**	**[31]**	**[32]**	**[33]**	**[34]**	**[35]**
1										
2										
...										
Tổng cộng			**[36]**	**[37]**	**[38]**	**[39]**	**[40]**	**[41]**	**[42]**	**[43]**

(TNCT: Thu nhập chịu thuế; TNCN: Thu nhập cá nhân)

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **08B/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:.....**[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	**[21]**	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	**[22]**	
3	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ	**[23]**	
4	**Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh [24]=[21]-[22]-[23]**	**[24]**	
5	Doanh thu hoạt động tài chính	**[25]**	
6	Chi phí tài chính	**[26]**	
7	**Thu nhập từ hoạt động tài chính [27]=[25]-[26]**	**[27]**	
8	Thu nhập khác	**[28]**	
9	Chi phí khác	**[29]**	
10	**Thu nhập chịu thuế khác [30]=[28]-[29]**	**[30]**	
11	**Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ**	**[31]**	
12	**Tổng thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế trong kỳ**	**[32]**	

CHI TIẾT THU NHẬP VÀ SỐ THUẾ CỦA CÁ NHÂN TRONG NHÓM

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ chia TNCT	TNCT tương ứng		Các khoản giảm trừ	Thu nhập tính thuế	Thuế TNCN	Thuế TNCN được giảm	Thuế TNCN đã tạm nộp
				Tổng số	Trong đó: thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế					
[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]	[40]	[41]	[42]	[43]
1										
2										
.....										
Tổng cộng			[44]	[45]	[46]	[47]	[48]	[49]	[50]	[51]

(TNCT: Thu nhập chịu thuế; TNCN: Thu nhập cá nhân)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **02/QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN[24]

(Áp dụng cho cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm..... (từ tháng.../... đến tháng.../....)

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Số tài khoản ngân hàng (nếu có):..... **[12a]** Mở tại:.....

[13] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[14] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[15] Địa chỉ:.....

[16] Quận/huyện:..... **[17]** Tỉnh/thành phố:.....

[18] Điện thoại:..... **[19]** Fax:..... **[20]** Email:.....

[21] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

STT	Chỉ tiêu			Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền/ Số người
1	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trong kỳ [22]=[23]+[26]			[22]	VNĐ	
	a	Tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam		[23]	VNĐ	
		Trong đó:	Tổng TNCT làm căn cứ tính giảm thuế	[24]	VNĐ	
			Tổng TNCT được miễn giảm theo Hiệp định	[25]	VNĐ	
	b	Tổng TNCT phát sinh ngoài Việt Nam		[26]	VNĐ	

[24] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2	Số người phụ thuộc			[27]	Người	
3	Các khoản giảm trừ [28]=[29]+[30]+[31]+[32]+[33]			[28]	VNĐ	
	a	Cho bản thân cá nhân		[29]	VNĐ	
	b	Cho những người phụ thuộc được giảm trừ		[30]	VNĐ	
	c	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học		[31]	VNĐ	
	d	Các khoản đóng bảo hiểm được trừ		[32]	VNĐ	
	e	Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ		[33]	VNĐ	
4	Tổng thu nhập tính thuế [34]=[22]-[25]-[28]			[34]	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) phát sinh trong kỳ			[35]	VNĐ	
6	Tổng số thuế đã tạm nộp, đã khấu trừ, đã nộp trong kỳ [36]=[37]+[38]+[39]+[40]			[36]	VNĐ	
	a	Đã khấu trừ		[37]	VNĐ	
	b	Đã tạm nộp		[38]	VNĐ	
	c	Đã nộp ở nước ngoài được giảm trừ (nếu có)		[39]	VNĐ	
	d	Đã khấu trừ hoặc tạm nộp trùng do quyết toán vắt năm		[40]	VNĐ	
7	Tổng số thuế TNCN được giảm trong kỳ [41]=[42]+[43]			[41]	VNĐ	
	a	Tổng số thuế TNCN được giảm do làm việc trong khu kinh tế		[42]	VNĐ	
	b	Tổng số thuế TNCN được giảm khác		[43]	VNĐ	
8	Tổng số thuế còn phải nộp trong kỳ [44]=[35]-[36]-[41] >= 0			[44]	VNĐ	
9	Tổng số thuế nộp thừa trong kỳ [45] = [35]-[36]-[41] < 0			[45]	VNĐ	
	a	Tổng số thuế đề nghị hoàn trả [46]=[47]+[48]		[46]	VNĐ	
		Trong đó:	Số thuế hoàn trả vào tài khoản người nộp thuế	[47]	VNĐ	
			Số thuế bù trừ cho khoản phải nộp Ngân sách nhà nước khác	[48]	VNĐ	
	b	Tổng số thuế bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau [49]=[45]-[46]		[49]	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

(Xem tiếp Công báo số 623 + 624)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng